ĐỀ ÔN TẬP THI GIỮA KÌ 1 HÓA 12

**I- ESTE – CHẤT BÉO**

**Câu hỏi dạng nhận biết :**

Công thức , tên gọi , đồng phân , tính chất vật lý , tính chất hóa học , ứng dụng , điều chế

**Câu 1:** Este nào sau đây có mùi chuối chín?

**A.** Etyl fomat  **B.** Benzyl axetat  **C.** Isoamyl axetat  **D.** Etyl butirat

**Câu 2:** Chất béo là trieste của axit béo với

**A.** ancol etylic.  **B.** glixerol.  **C.** ancol metylic.  **D.** etylen glicol.

**Câu 3:** Este C2H5COOC2H5 có tên gọi là

**A.** etyl fomat.  **B.** vinyl propionat.  **C.** etyl propionat.  **D.** etyl axetat.

**Câu 4:** Chất béo tripanmitin có công thức là

**A.** (C17H35COO)3C3H5.  **B.** (C17H33COO)3C3H5.

**C.** (C15H31COO)3C3H5.  **D.** (C17H31COO)3C3H5.

**Câu 5:** Tên gọi của CH3CH2COOCH3 là

**A.** metyl propionat  **B.** propyl axetat

**C.** etyl axetat  **D.** metyl axetat

**Câu 6:** Đun nóng este HCOOCH3 với một lương vừa đủ dung dịch NaOH sản phẩm thu được là

**A.** CH3COONa và CH3OH  **B.** HCOONa và CH3OH

**C.** HCOONa và C2H5OH  **D.** CH3COONa và C2H5OH

**Câu 7:** Isoamyl axetat có công thức cấu tạo là

**A.** CH3COOCH2–CH2–CH(CH3)2. **B.** CH3COOCH(CH3)–CH(CH3)2.

**C.** CH3COOCH2–C(CH3)2–CH3. **D.** CH3COOC(CH3)2–CH2–CH3.

**Câu 8:** Trong các hợp chất sau, hợp chất nào là chất béo?

**A.** (C17H35COO)3C3H5.  **B.** (C17H35COO)2C2H4.

**C.** (CH3COO)3C3H5.  **D.** (C3H5COO)3C3H5.

**Câu 9:** etyl axetat có phản ứng với chất nào sau đây?

**A.** FeO  **B.** NaOH  **C.** Na  **D.** HCl

**Câu 10:** Este X có công thức cấu tạo thu gọn là CH3COOCH3. Tên gọi của X là

**A.** etyl fomat.  **B.** metyl axetat.  **C.** metyl fomat.  **D.** etyl axetat

**Câu 11:** Đun chất béo X với dung dịch NaOH thu được natri oleat và glixerol. Công thức của X là **A**

**A.** (C17H33COO)3C3H5.  **B.** (C17H35COO)3C3H5.

**C.** (C17H33OCO)3C3H5.  **D.** (CH3COO)3C3H5.

**Câu 12:** Phản ứng hóa học giữa axit cacboxylic và ancol được gọi là phản ứng

**A.** este hóa. **B.** trung hòa. **C.** kết hợp.  **D.** ngưng tụ.

**Câu 13:** Este X có công thức phân tử C3H6O2. Số công thức cấu tạo của X thỏa mãn là

**A.** 3  **B.** 1 **C.** 4 **D.** 2

**Câu 14:** Công thức phân tử tổng quát của este no, đơn chức, mạch hở là

**A.** CnH2nO2 (n ≥ 3).  **B.** CnH2n+2O2 (n ≥ 2).

**C.** CnH2nO2 (n ≥ 2).  **D.** CnH2n–2O2 (n ≥ 4).

**Câu 15:** Khi dầu mỡ để lâu thì có mùi hôi khó chịu. Nguyên nhân là do chất béo phân hủy thành

**A.** Axit  **B.** Ancol  **C.** Andehit  **D.** Xeton

**Câu 16:** Khi xà phòng hóa tripanmitin ta thu được sản phẩm là

**A.** C17H35COOH và glixerol.  **B.** C15H31COONa và glixerol.

**C.** C15H31COONa và etanol.  **D.** C17H35COONa và glixerol.

**Câu 17:** Đun nóng este CH3COOC2H5 với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

**A.** HCOONa và C2H5OH.  **B.** CH3COONa và CH3OH.

**C.** C2H5COONa và CH3OH.  **D.** CH3COONa và C2H5OH.

**Câu 18:** Este etyl axetat có công thức là

**A.** CH3COOH.  **B.** CH3COOC2H5.  **C.** CH3CH2OH.  **D.** CH3CHO.

**Câu 19:** Có thể gọi tên este (C17H33COO)3C3H5 là

**A.** tripanmitin  **B.** tristearin  **C.** stearic **D.** triolein

**Câu 20:** Hãy cho biết loại hợp chất nào sau đây không có trong lipit?

**A.** Chất béo  **B.** Sáp **C.** Glixerol  **D.** Photpholipit

**Câu 21:** Trong công nghiệp, một lượng lớn chất béo dùng để sản xuất

**A.** glucozơ và glixetol.  **B.** xà phòng và glixetol.

**C.** xà phòng và ancol etylic.  **D.** glucozơ và ancol etylic.

**Câu 22:** Axit nào sau đây không phải là axit tạo ra chất béo?

**A.** Axit oleic  **B.** Axit acrylic  **C.** Axit stearic  **D.** Axit panmitic

**Câu 23:** Để điều chế xà phòng, người ta có thể thực hiện phản ứng

**A.** phân hủy mỡ.  **B.** đehiđro hóa mỡ tự nhiên.

**C.** axit béo tác dụng với kim loại.  **D.** thủy phân mỡ trong dung dịch kiềm.

**Câu 24:** Tripanmitin có công thức là:

**A.** (C15H31COO)3C3H5.  **B.** (C17H33COO)3C3H5.

**C.** (C17H31COO)3C3H5.  **D.** (C17H35COO)3C3H5.

**Câu 25:** Chất nào sau đây có trạng thái lỏng ở điều kiện thường?

**A.** (C17H33COO)3C3H5  **B.** (C17H35COO)3C3H5

**C.** C6H5OH (phenol) **D.** (C15H33COO)3C3H5

**Câu 26:** Thủy phân hoàn toàn tripanmitin ( C15H31COO)3C3H5 trong dung dịch NaOH (vừa đủ), thu được

**A.** glixerol và muối của axit panmitin.  **B.** etylenglicol và axit panmitin.

**C.** glixerol và axit panmitin.  **D.** etylenglicol muối của axit panmitin.

**Câu 27:** Để chuyển hóa một số chất thành mỡ dạng rắn hoặc bơ nhân tạo, người ta thực hiện quá trình :

**A.** Cô cạn ở nhiệt độ cao  **B.** Hidro hóa (xt Ni)

**C.** Xà phòng hóa  **D.** Làm lạnh

**Câu 28:** Chất nào sau đây không tan trong nước :

**A.** Tristearin  **B.** Saccarozo **C.** Glyxin  **D.** Etylamin

**Câu 29:** Đun nóng tripanmitin trong dung dịch NaOH vừa đủ thu được sản phẩm gồm C3H5(OH)3 và

**A.** C17H33COONa.  **B.** C15H31COONa.  **C.** C15H31COOH.  **D.** C17H35COOH.

**Câu 30:** Số đồng phân đơn chức, mạch hở ứng với công thức phân tử C4H8O2 có phản ứng tráng bạc là

**A.** 1.  **B.** 4.  **C.** 2.  **D.** 3.

**Câu hỏi dạng hiểu : Đốt cháy , thủy phân este , chất béo , hidro hóa chất béo**

**Câu 1:** Đốt hoàn toàn 4,2g một este E thu được 6,16g CO2 và 2,52g H2O. Công thức cấu tạo của E là

**A.** HCOOC2H5.              **B.** CH3COOC2H5.

**C.** CH3COOCH3.                                          **D.** HCOOCH3.

**Câu 2:** Đốt cháy hoàn toàn 7,4 gam hỗn hợp hai este đồng phân, thu được 6,72 lít CO2 (đktc) và 5,4 gam H2O. CTPT của hai este là

A. C3H6O2                B. C2H4O2                    C. C4H6O2                    D. C4H8O2

**Câu 3:** Đun nóng chất béo cần vừa đủ 40 kg dung dịch NaOH 15%, giả sử phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng (kg) glixerol thu được là

**A.** 13,8              **B.** 4,6                           **C.** 6,975                 **D.** 9,2

**Câu 4:** Khối lượng Glyxêrin thu được khi đun nóng 2,225 kg chất béo (loại Glyxêrin tristearat) có chứa 20% tạp chất với dung dịch NaOH. (coi như phản ứng xảy ra hoàn toàn):

**A.** 0,184 kg                 **B.** 0, 89 kg.                  **C.** 1, 78 kg                   **D.** 1, 84 kg

**Câu 5:** Thủy phân hoàn toàn 89 gam chất béo bằng dung dịch NaOH để điều chế xà phòng, thu được 9,2 gam glixerol. Biết muối của axit béo chiếm 60% khối lượng xà phòng. Khối lượng xà phòng thu được là:

**A.** 91,8gam            **B.** 58,92 gam         **C.** 55,08 gam         **D.** 153 gam

**Câu 6:** Xà phòng hoá hoàn toàn 17,24 gam chất béo cần vừa đủ 0,06 mol NaOH. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được khối lượng xà phòng là

**A.** 17,80 gam. **B.** 18,24 gam. **C.** 16,68 gam. **D.** 18,38 gam.

**Câu 7:** Khi thuỷ phân a g một este X thu được 0,92g glixerol, 3,02g natri linoleat (C17H31COONa) và m g muối natri oleat (C17H33COONa). Giá trị của a, m lần lượt là

A. 8,82g ; 6,08g. B. 7,2g ; 6,08g. C. 8,82g ; 7,2g. D. 7,2g ; 8,82g.

**Câu 8:** Đun sôi a g một triglixerit X với dung dịch KOH cho đến khi phản ứng hoàn toàn, thu được 0,92g glixerol và 9,58g hỗn hợp Y gồm muối của axit linoleic và axit oleic. Giá trị của a là

A. 8,82g. B. 9,91g. C. 10,90g. D. 8,92g.

**Câu 9:** Thuỷ phân hoàn toàn chất béo E bằng dung dịch NaOH thu được 1,84g glixerol và 18,24g muối của axit béo duy nhất. Chất béo đó là

A. (C17H33COO)3C3H5. B. (C17H35COO)3C3H5. C. (C15H31COO)3C3H5. D. (C15H29COO)3C3H5.

**Câu 10:** Thuỷ phân hoàn toàn 44,5 gam triglixerit X bằng lượng vừa đủ 100 ml dung dịch KOH 1,5M. Tính khối lượng xà phòng thu được?

A. 48,3 gam B. 38,6 gam C. 52,9 gam D. 39,1 gam

**Câu 11:** Xà phòng hóa hoàn toàn **m** gam triglixerit **X** bằng lượng vừa đủ NaOH thu được 0,5 mol gilixerol và 459 gam muối khan. Giá trị của **m** là:

**A.** 444 **B.** 442 **C.** 443 **D.** 445

**Câu 12:** Đốt cháy hoàn toàn a gam triglixerit X cần vừa đủ 4,83 mol O2, thu được 3,42 mol CO2 và 3,18 mol H2O. Mặt khác, cho a gam X phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được b gam muối. Giá trị của b là

**A.** 53,16. **B.** 57,12. **C.** 60,36. **D.** 54,84.

**Câu 13:** Đốt cháy hoàn toàn 4,4 gam este X thu được 4,48 lít CO2 (ở đktc) và 3,6 gam nước. Nếu cho 4,4 gam hợp chất X tác dụng với dd NaOH vừa đủ đến khi phản ứng hoàn toàn, thu được 4,8 gam muối của axit hữu cơ Y và chất hữu cơ Z. Tên của X là.

**A.** etyl propionat **B.** metyl propionat **C.** etyl axetat **D.** isopropyl axetat

**Câu 14 :** Cho hỗn hợp gồm CH3COOCH3 và C6H5COOCH3 tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch NaOH 1M, đun nóng. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch chứa m gam ancol. Giá trị của m là

**A.** 9,2. **B.** 6,4. **C.** 4,6. **D.** 3,2.

**Câu 15:** Thủy phân hoàn toàn 10,12 gam este **X** trong dung dịch NaOH, sau phản ứng thu được muối của axit cacboxylic đơn chức và 3,68 gam ancol metylic. Công thức của **X** là

**A.** CH3COOCH3. **B.** C2H3COOCH3. **C.** C2H5COOCH3. **D.** CH3COOC2H5

**Câu 16:** Cho 0,1 mol phenyl fomat tác dụng với 300 ml dung dịch NaOH 1M đun nóng, đến phản ứng hoàn toàn thu được dung dịch X, cô cạn X thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

**A.** 22,4. **B.** 10,8. **C.** 24,2. **D.** 20,6.

**II- CACBOHIDRAT**

**Câu hỏi nhận biết : Phân loại , cấu tạo , tính chất hóa học , ứng dụng của glucozo , tinh bột , xenlulozo**

**Câu 1:** Chất nào là monosaccarit?

**A.** Saccarozơ.              **B.** amylozơ.                 **C.** Glucozơ.                 **D.** Xelulozơ.

**Câu 2:** Chất thuộc loại đisaccarit là

**A.** glucozơ.            **B.** saccarozơ.                     **C.** xenlulozơ.                    **D.** fructozơ.

**Câu 3:** Trong điều kiện thích hợp glucozơ lên men tạo thành C2H5OH và

**A.** SO2.                         **B.** CH3COOH.             **C.** CO2.                        **D.** CO.

**Câu 5:** Chất tham gia phản ứng tráng gương là

**A.** xenlulozơ.             **B.** tinh bột.             **C.** fructozơ.           **D.** saccarozơ.

**Câu 6:** Để chứng minh trong phân tử của glucozơ có nhiều nhóm hiđroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với

**A.** Cu(OH)2 trong NaOH, đun nóng.                  **B.** AgNO3 trong dung dịch NH3, đun nóng.

**C.** Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường.               **D.** kim loại Na.

**Câu 7:** Một chất khi thủy phân trong môi trường axit, đun nóng **không** tạo ra glucozơ. Chất đó là

**A.** protit.                **B.** saccarozơ.                     **C.** tinh bột.            **D.** xenlulozơ.

**Câu 8 :**  Khi thủy phân saccarozơ thì thu được

**A.** ancol etylic.     **B.** glucozơ và fructozơ.   **C.** glucozơ.            **D.** fructozơ.

**Câu 9:** Công thức nào sau đây là của xenlulozơ?

**A.** [C6H7O2(OH)3]n. **B.** [C6H8O2(OH)3]n.   **C.** [C6H7O3(OH)3]n.            **D.** [C6H5O2(OH)3]n.

**Câu 10:** Đường saccarozơ (đường mía) thuộc loại saccarit nào?

         A. Monosaccarit     B. Đisaccarit       C. Polisaccarit    D. Oligosaccarit

**Câu 11:** Hợp chất đường chiếm thành phần chủ yếu trong mật ong là:

         A. Glucozơ             B. Fructozơ         C. Saccarozơ    D. Mantozơ

**Câu 10:** Trong điều kiện thường, **X** là chất rắn, dạng sợi màu trắng. Phân tử **X** có cấu trúc mạch không phân nhánh, không xoắn. Thủy phân hoàn toàn **X** trong môi trường axit, thu được chất **Y**. Tên gọi của **X** và **Y** lần lượt là

**A.** xenlulozơ và fructozơ.                                                         **B.** tinh bột và glucozơ.

  C. xenlulozơ và glucozơ.                                                         **D.** saccarozơ và fructozơ.

**Câu 11:** Chất nào sau đây được dùng làm thuốc súng không khói?

**A.** Xenlulozơ trinitrat.                        **B.** Tơ visco.

**C.** Tơ axetat.                                          **D.** Xenlulozơ.

**Câu 12:** Chất dùng để điều chế tơ visco là:

**A.** (C6H10O5)n (tinh bột).                                 **B.** (C6H10O5)n (xenlulozơ).

**C.** C6H12O6 (glucozơ).                         **D.** C6H12O6 (fructozơ).

**Câu 13:** Khi bị ốm, mất sức hoặc sau các ca phẫu thuật, nhiều người bệnh thường được truyền dịch “đạm” để cơ thể sớm hồi phục. Chất trong dịch truyền có tác dụng trên là

**A.** glucozơ. **B.** saccarozơ. **C.** amino axit. **D.** amin.

**Câu 14:** Chất nào sau đây không tan trong nước lạnh

**A.** glucozơ. **B.** tinh bột. **C.** fructozơ. **D.** saccarozơ.

**Câu 15:** Đốt cháy hoàn toàn hai gluxit X và Y đều thu được số mol CO2 nhiều hơn số mol H2O. Hai gluxit đó là

**A.** Tinh bột và saccarozơ. **B.** Xenlulozơ và glucozơ.

**C.** Saccarozơ và fructozơ. **D.** Tinh bột và glucozơ.

**Câu 16:** Đồng phân của glucozơ là:

**A.** Xenlulozơ **B.** Fructozơ **C.** Saccarozơ **D.** Sobitol

**Câu 17 :** Trong phân tử của cacbohyđrat luôn có

**A.** nhóm chức ancol **B.** nhóm chức xeton **C.** nhóm chức anđehit **D.** nhóm chức axit

**Câu 18** :Chất lỏng hòa tan được xenlulozo là:

**A.** Benzen **B.** Ete **C.** Etanol **D.** Nước Svayde

**Câu 19 :** Saccarozơ cóphản ứng với:

**A.** H2O (H+, to).  **B** AgNO3/NH3.  **C.** Dd Br2. **D** Cu(OH)2/OH- (to).

**Câu 20 :** Phản ứng tráng bạc được sử dụng trong công nghiệp sản suất gương, ruột phích. Hóa chất được dùng để thực hiện phản ứng này là

**A.** Saccarozơ. **B.** Andehit axetic. **C.** Glucozơ. **D.** Andehit fomic.

**Các câu hỏi mức độ hiểu : Tính lượng Ag sinh ra , tính thể tích CO2 hoặc khối lượng glucozo thủy phân , tính khối lượng sản phẩn thủy phân hoặc phản ứng với HNO3**

**Câu 1.** Đun nóng dd chứa m g  glucozơ với dd AgNO3/NH3 thì thu được 16,2 g  Ag  giá trị m là (H= 75%):

A. 21,6g                 B. 18 g                    C. 10,125g             D. 18,36

**Câu 2**. Cho 200ml dd glucozơ pứ hoàn toàn với dd AgNO3 trong NH3 thấy có 10,8g Ag tách ra. Tính nồng độ mol/lít của dd glucozo đã dùng.

A. 0,25M                B. 0,05M                C. 1M         D. 0,75M

**Câu 3:** Đun nóng 37,5 gam dung dịch glucozơ với lượng AgNO3/dung dịch NH3 dư, thu được 6,48 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là

**A.** 11,4 %                  **B.** 14,4 %                  **C.** 13,4 %                  **D.** 12,4 %

**Câu 15.** Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric đặc có xúc tác là axit sunfuric đặc , nóng . Để có 29,7 kg xenlulozơ trinitrat , cần dùng dd chứa m kg axit nitric ( hiệu suất phản ứng là 90%) . Giá trị của m là ?

A/ 30                      B/ 21                       C/ 42                       D/ 10 .

**Câu 16** Thể tích dung dịch HNO3 63 % (D = 1,52 g/ml) cần dùng để tác dụng với lượng dư xenlulozơ tạo 297 gam xenlulozơ trinitrat là

A. 243,90 ml              B. 300,0 ml           C. 189,0 ml          D. 197,4 ml

**Câu 17:** Để sản xuất 29.7 kg xenlulozơ trinitrat ( H=75% ) bằng phản ứng giữa dung dịch HNO3 60% với xenlulozơ thì khối lượng dung dịch HNO3 cần dùng là

         A. 42 kg            B. 25.2 kg                                C. 31.5 kg                    D. 23.3 kg